

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-03-2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 25 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20/12/2021 về *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kiều T**, sinh năm 1985 (xin vắng)

HKTT: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã D, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Võ Tấn T** – Văn phòng Luật sư A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (Theo xác nhận ngày 09/03/2022, có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T trình bày:

Chị Lê Thị Kiều T và anh Nguyễn Thanh H qua quen biết rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long ngày 14/06/2006.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống bên gia đình chồng tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long khoảng 06 năm thì vợ chồng cát nhà ra ở riêng. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng dàn xếp được, nhưng đến năm 2020 nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt hơn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh H không tôn trọng chị, muốn nói gì nói, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2021 cho đến nay. Từ đó cho đến nay chị và cha mẹ chị có gặp gia đình anh H để hòa giải, động viên, anh H cũng hứa sửa đổi tính tình, cha mẹ hai bên khuyên nên hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho hai đứa nhỏ nhưng không thành, sau đó chị có nộp đơn ly hôn ra Tòa, nhưng vì con nên rút lại, nhưng anh H vẫn không thay đổi nên chị tiếp tục làm đơn ly hôn, chị và anh H cũng có gặp mặt nhưng vẫn không hàn gắn được chuyện gia đình. Nay chị và anh H tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 24/10/2007, Nguyễn Thành D, sinh ngày 26/06/2016, hiện do anh H nuôi dưỡng, khi ly hôn chị giao 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong biên bản hòa giải ngày 25/02/2022, bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày: Anh H và chị Lê Thị Kiều T qua quen biết rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long ngày 14/06/2006.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống bên gia đình anh tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long khoảng 06 năm thì vợ chồng cát nhà ra ở riêng. Anh và vợ anh không có gì mâu thuẫn lớn, vợ anh thường xuyên đi chơi nhưng không nói anh, anh hỏi thì vợ không nói nên có lúc giận, lớn T nhưng không có chuyện gì lớn, vợ thường đi chỗ này chỗ khác nên anh phát hiện có báo cha mẹ vợ kêu về ở được thời gian thì tiếp tục đi. Anh có lớn T vậy thôi chứ không có mâu thuẫn gì khác.

Khi giận anh là chị T đi lên ở nhà em vợ chứ không có về nhà cha mẹ vợ ở. Vợ anh cũng đi đi về về, chỉ đi luôn từ khoảng 3 tháng nay. Trước đây khi vợ đi thì anh có khuyên vợ về nhưng vợ không về lại nộp đơn ly hôn ra Tòa, nhưng rút lại, anh cũng không biết lý do gì ly hôn. Vợ anh và anh ít khi gặp nhau nên không có nói chuyện gia đình được, cha mẹ hai bên đến cũng không nói được gì hết, anh cũng không biết nguyên nhân mâu thuẫn là gì để sửa, khắc phục, anh cũng muốn vợ chồng về đoàn tụ. Nay anh còn thương vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 24/10/2007, Nguyễn Thành D, sinh ngày 26/06/2016 hiện do nuôi dưỡng, anh còn thương vợ không muốn ly hôn, nếu ly hôn thì anh đồng ý nuôi 02 con, vì là con anh thì anh nuôi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 09/03/2022, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T có đơn xin vắng mặt, chị vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện là xin ly hôn với anh H, giao con cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh H trình bày: Anh không biết lý do gì vợ anh ly hôn, anh còn thương vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vợ anh bỏ đi từ năm 2021, từ đó cho đến nay vợ chồng không gặp mặt để hàn gắn được, vợ chỉ điện thoại một lần về hỏi thăm con, chứ vợ chồng không hàn gắn được chuyện gia đình. Từ lúc gặp hòa giải ở Tòa cho đến nay anh và chị T cũng không gặp mặt nhau. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý nuôi 02 con chung. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Lê Thị Kiều T trình bày: Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên chị T và anh H đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh H. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 24/10/2007, Nguyễn Thành D, sinh ngày 26/06/2016, hiện do anh H

nuôi dưỡng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con, xem xét cho chị T được thăm nom, chăm sóc con chung, không bị hạn chế quyền. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con*”; bị đơn anh Nguyễn Thanh H cư trú tại xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết chị T và anh H có tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long ngày 14/06/2006, do đó hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị Kiều T xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh H, quá trình giải quyết Tòa án hòa giải nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Như vậy, trong khoảng thời gian chị T và anh H chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 03 năm 2021 cho đến nay. Trong khoảng thời gian không sống chung với nhau thì vợ chồng

chưa giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, trước đây năm 2021 thì chị T đã nộp đơn ly hôn một lần, nhưng sau đó chị T rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng đến nay chị T lại tiếp tục nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh H. Hiện tại vợ chồng đã ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng bị vi phạm nghiêm trọng, cũng như trong việc chăm sóc giáo dục con chung. Việc ly thân đó dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2]. *Về con chung của vợ chồng*: Chị T và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 24/10/2007, Nguyễn Thành D, sinh ngày 26/06/2016, hiện đang sống với anh H.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Anh H là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị T đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, anh H cũng đồng ý nuôi 02 con chung, cháu Yến cũng có nguyện vọng sống với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh H đang chăm sóc, giáo dục 02 con chung và cháu Yến có nguyện vọng sống chung với anh H. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kiều T là giao các cháu Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 24/10/2007, Nguyễn Thành D, sinh ngày 26/06/2016 cho anh Nguyễn Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị Kiều T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Lê Thị Kiều T và anh Nguyễn Thanh H chưa yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Kiều T và anh Nguyễn Thanh H tự thỏa thuận, khai không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về nợ chung của vợ chồng*: Chị Lê Thị Kiều T và anh Nguyễn Thanh H khai không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7]. Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 246, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kiều T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

[2]. *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H là giao các cháu Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 24/10/2007, Nguyễn Thành D, sinh ngày 26/06/2016 cho anh Nguyễn Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Lê Thị Kiều T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Lê Thị Kiều T và anh Nguyễn Thanh H chưa yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung của vợ chồng*: Chị Lê Thị Kiều T và anh Nguyễn Thanh H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về nợ chung của vợ chồng*: Chị Lê Thị Kiều T và anh Nguyễn Thanh H khai không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lê Thị Kiều T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N₀ 0010396 ngày 20/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chi Lê Thị Kiều T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã D, huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo